TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 751/2023/DS-PT
Ngày: 26 - 10 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2567/2023/QĐPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Lý K (Kel) (đã chết).

1/ Chị Lý Thị Ma R, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2/ Anh Lý Huỳnh L, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3/ Chị Lý Thị Huỳnh L1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

4/ Anh Lý Thanh H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

5/ Chị Lý Thị Li N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

6/ Chị Lý Thị Thanh V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Bửu Đ, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Chị Lý Thị Ma R, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2/ Anh Lý Huỳnh L, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3/ Chị Lý Thị Huỳnh L1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

4/ Anh Lý Thanh H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

5/ Chị Lý Thị Li N, sinh năm 1981 (vắng mặt);

6/ Chị Lý Thị Thanh V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

7/ Bà Khâu Thị Y, sinh năm 1959 (vắng mặt);

8/ Anh Trần Cẩm P, sinh năm 1984 (có mặt);

9/ Chị Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1986 (có mặt);

10/ Anh Trần Cẩm H1, sinh năm 1988 (có mặt);

11/ Anh Trần Cẩm T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

12/ Anh Trần Cẩm N1, sinh năm 1992 (vắng mặt);

13/ Anh Trần Cẩm M, sinh năm 1993 (có mặt);

14/ Chị Trần Thị Cẩm H2, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

15/ Ngân hàng N2 (có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

16/ Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Số C N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Minh H3 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Sóc Trăng (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn là ông Trần Bửu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung bản án sơ thẩm thể hiện:

**** Theo yêu cầu khởi kiện ngày 29/4/2020 của nguyên đơn Lý Kenh (L), thì vụ án có nội dung như sau:***

Năm 1977, ông K (K) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua) của ông Lâm X1 và bà Lâm Thị H4, ông K (Kel) sử dụng liên tục đến ngày 20/02/2001 thì hộ ông K (Kel) UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 640, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.780m^2, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Giấy tờ thửa đất đang tranh chấp ông K (Kel) đã thế chấp để vay tiền của Ngân hàng N2 - Chi nhánh T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Giáp ranh với đất ông K (K) là đất của ông Trần Bửu Đ tại thửa 638. Trong quá trình sử dụng đất, ông Đ đã lấn chiếm đất của ông K (Kel) chiều ngang 03m, chiều dài 55m, diện tích khoảng 165m^2. Vì vậy, ông K (K) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Trần Bửu Đ phải trả lại diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Sau khi đo thực tế, phần đất đang tranh chấp có số đo chiều ngang giáp Quốc lộ A là 0,9m, chiều ngang phía sau là 1,05m, diện tích là 65,7m^2. Ông K (K2) chết ngày 26/12/2021 theo "Trích lục khai tử" ngày 10/7/2022. Vì vậy, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K (K) là các con ông K (K) gồm: Chị Lý Thị Ma R, anh Lý Huỳnh L, chị Lý Thị Huỳnh L1, anh Lý Thanh H, chị Lý Thị Li N và chị Lý Thị Thanh V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc gia đình ông Trần Bửu Đ phải trả lại diện tích đất tranh chấp giáp ranh theo đo thực tế 65,7m^2, thuộc thửa đất số 640, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M cấp cho hộ ông Lý K (Kel) vào ngày 20/02/2001.

**** Bị đơn ông Trần Bửu Đ trình bày***: Phần đất gia đình ông đang sử dụng tại thửa số 638 là của ông Trần Lập T1 (cha ông Đ) cho gia đình ông sử dụng, nguồn gốc đất là do ông T1 mua của ông Lâm X1 và bà Thạch Thị H5 vào năm 1973, sau khi mua đất thì ông T1 đào ao giáp ranh phần đất còn lại của ông X1 và bà H5 sau này bán cho ông K (K) để nuôi cá. Sau năm 1975 thì bỏ hoang một thời gian, đến khi nhà nước cắt xâm canh, khoảng năm 1982 - 1983 thì vô tập toàn và cho ông quản lý có diện tích là 2.500m^2 đến nay. Năm 1993 ông được cấp quyền sử dụng đất nhưng đất cấp cho ông thiếu, chỉ có 2.435m^2 so với đất mua của ông X1 là 2.500m^2.

Gia đình ông Đ không lấn chiếm đất giáp ranh của gia đình ông K (K), nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của gia đình ông K (K).

Sau khi đo thực tế, thì phần đất gia đình ông Đ đang sử dụng có diện tích là 2.383,2m^2 không bao gồm phần đất đang tranh chấp có diện tích là 65,7m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ được cấp vào năm 1993 có diện tích

là 2.435m^2 là còn thiếu so với đất ông T1 mua của ông X1 là 2.500m^2.

Vì vậy, ông Đ có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 712211 do UBND huyện M cấp ngày 20-02-2001 cho hộ ông Lý K (K2), diện tích 2.780m^2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, để trả đủ diện tích đất cho bị đơn Đ là 2.500m^2. Ông Đ cho rằng khi mở rộng Quốc lộ A có lấn vào phần đất của ông khoảng 0,5m. Vì vậy, ông Đ đồng ý trừ diện tích giáp lộ nêu trên vào diện tích 2.500m^2 của ông.

**** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

Bà Khâu Thị Y và các con tên Trần Cẩm T, Trần Cẩm N1, Trần Cẩm M, Trần Thị Cẩm H2 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngân hàng N2 - Chi nhánh T2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, không có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng không có ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 712211 do UBND huyện M cấp ngày 20-02-2001 cho hộ ông Lý K (K2), diện tích 2.780m^2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L (L).

Buộc bị đơn Trần Bửu Đ cùng vợ và các con là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tên Khâu Thị Y, Trần Cẩm P, Trần Thị Cẩm X, Trần Cẩm H1, Trần Cẩm T, Trần Cẩm N1, Trần Cẩm M, Trần Thị Cẩm H2 phải trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lý K (L) gồm: Lý Thị Ma R, Lý Huỳnh L, Lý Thị Huỳnh L1, Lý Thanh H, Lý Thị Li N và Lý Thị Thanh V, phần đất tranh chấp giáp ranh có diện tích 32,80m^2 (trong đó diện tích đất nằm trong hành lang lộ giới là 7,10m^2), loại đất LNK, thuộc thửa số 640, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 712211 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Lý K vào ngày 20/02/2001, phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 640 của nguyên đơn Kenh có các số đo: 9,26m + 8,17m + 3,28m + 44,19m.

- Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 638 của bị đơn Đ có số đo: 9,27m +

7,87m + 3,63m + 44,13m.

- Hướng Nam giáp phần đất của ông Trương Tấn B có số đo 0,53m;

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ A có số đo 0,45m;

(có sơ đồ kèm theo)

Gia đình bị đơn Trần Bửu Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 32,9m^2 (trong đó diện tích đất nằm trong hành lang lộ giới là 7,20m^2) giáp bên thửa đất số 638 của bị đơn Đ.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Bửu Đ về việc yêu của Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R712211 do UBND huyện M cấp ngày 20-02-2001 cho hộ ông Lý K, diện tích 2.780m^2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để trả cho bị đơn Đ đủ diện tích đất là 2.500m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2023 bị đơn là ông Trần Bửu Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Trần Bửu Đ vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Trần Lập T1 (cha ông Đ) mua của ông Lâm X1 và bà Thạch Thị H5 vào năm 1973, sau khi mua đất thì ông T1 đào ao giáp ranh phần đất còn lại của ông X1 và bà H5, đến năm 1982 ông T1 cho gia đình ông Đ sử dụng liên tục cho đến nay. Năm 1987, ông Lý K (Kel) lấn chiếm sử dụng phần đất này nhưng gia đình ông Đ không biết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Cẩm P, Trần Cẩm H1, Trần Cẩm M, chị Trần Thị Cẩm X thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt những đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, phần đất tại thửa 640, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý K (Kel) vào ngày 20/02/2001 với diện tích là 2.780m^2. Phần đất tại thửa 638 tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo "Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất" của ông Trần Bửu Đ ngày 07/4/1993, thể hiện diện tích đất là 2.435m^2.

[3] Tại văn bản số 636/UBND-VP ngày 14/8/2021 và số 304/UBND-VP ngày 12/5/2022, Ủy ban nhân dân huyện M xác định:

"- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý K (L) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Bửu Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định (tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Bửu Đ thửa số 638 và cấp cho hộ ông Lý K1 (Kenh) thửa số 640 là cấp trên nền bản đồ địa chính không chính quy (bản đồ không ảnh hoặc bản đồ 299; bản đồ giải thửa), tỷ lệ 1/2000 hoặc 1/5000, trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ và ông K (Kel) không có hồ sơ kỹ thuật thửa đất, không có đo đạc thực tế".

[4] Tại "Sơ đồ vị trí" ngày 18/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thể hiện:

- Diện tích đất thực tế tại thửa đất số 640 gia đình ông K (K) đang sử dụng là 2.706,2m^2. So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông K (Kel) được cấp thì còn thiếu diện tích, cụ thể là: 2.780m^2 - 2.706,2m^2 = 73,8m^2.

- Diện tích đất thực tế tại thửa đất số 638 gia đình ông Đ đang sử dụng là

2.383,2m^2. So với "Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất" ngày 07/4/1993 của ông Đ thì còn thiếu diện tích, cụ thể là: 2.435m^2 - 2.383,2m^2 = 51,8m^2.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất trình bày: Trên phần đất của nguyên đơn L (K1) và bị đơn Trần Bửu Đ giáp nhau, mỗi bên đào một con mương và được phân ranh bằng bờ mương đang tranh chấp, có số đo chiều ngang giáp quốc lộ A là 0,90m, chiều ngang phía sau ruộng là 1,05m, con mương bên ông Đ đã san lấp toàn bộ, còn con mương bên phía nguyên đơn đã san lấp một nửa phía ngoài giáp Quốc lộ A, còn lại khoảng một nửa phía sau ruộng. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn thừa nhận: Quá trình sử dụng con mương từ khoảng năm 1977 đến nay thì bờ mương không còn đúng vị trí như lúc đào mương ban đầu.

[6] Xét thấy, lời trình bày của phía nguyên đơn là phù hợp với thực tế sử dụng đất tại địa phương, vì con mương giáp ranh giữa 02 phần đất sau thời gian sử dụng hơn 40 năm thì sẽ bị sạt lở về cả 02 phía bờ mương. Các bên đương sự đều không xác định được cột ranh phía trước giáp Quốc lộ A và cột ranh phía sau. Như nhận định tại mục [4], diện tích đất gia đình nguyên đơn đang sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 73,8m^2, diện tích đất gia đình bị đơn đang sử dụng còn thiếu so với "Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất" là 51,8m^2. Nếu cộng cả diện tích đất đang tranh chấp là 65,7m^2 thì diện tích của bị đơn sẽ lớn hơn diện tích đất mà bị đơn xin đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp là bờ mương giáp nhau, thuộc quyền sử dụng chung của gia đình nguyên đơn và bị đơn, mỗi bên được sử dụng một nửa (50%). Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình bị đơn phải trả một nửa (50%) diện tích đất tranh chấp cho gia đình nguyên đơn theo "Sơ đồ vị trí" ngày 06/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M có diện tích 32,80m^2 là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[7] Bị đơn kháng cáo cho rằng nguồn gốc phần đất tại thửa 638 là do cha mẹ ông Đ mua của ông Lâm X1 và bà Lâm Thị H6 năm 1973 có diện tích là 2.500m^2. Chứng cứ chứng minh là bản photo "TỜ NHƯỢNG BẠC THẾ ĐẤT RUỘNG" ngày 28 tháng 12 năm 73 thể hiện "Đàng mượn bạc" chồng Lâm X1 và vợ tên Thạch Thị H5 và "Đàng chủ bạc" chồng Trần Lập T1 và vợ tên Lâm Thị Sa V1. Tuy nhiên, tài liệu này không thể hiện diện tích đất mua bán là bao nhiêu và cũng không thể hiện số đo các cạnh của thửa đất. Mặt khác, phần đất gia đình bị đơn nhận chuyển nhượng của ông X1 và bà H5 có một cạnh giáp Quốc lộ A dài là hơn 50m. Quốc lộ A từ năm 1973 đến nay đã được mở rộng

nhiều lần, nên việc bị đơn cho rằng Quốc lộ A chỉ mở rộng và làm vào phía trong phần đất là 0,5m là không phù hợp.

Theo "Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất" ngày 07/4/1993 do chính bị đơn ký tên khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất cũng thể diện tích đất tại thửa số 638 là 2.435m^2. Hơn nữa, căn cứ bản án số 18 ngày 25/4/1998, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết tranh chấp giữa ông Đ với ông Trần Lập T1 có nội dung: "Buộc ông Trần Lập T1 và gia đình phải có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho anh Trần Bửu Đ, giấy chứng nhận số 00333, số thửa 327 diện tích 1660 T + LNK và số thửa 638 diện tích 2435 ĐM….", thì ông Đ đã biết theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 638, có diện tích là 2.435m^2, nhưng ông không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do đó, ông Đ cho rằng phần đất tại thửa 638 có diện tích 2.500m^2 là không có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Bửu Đ, sinh năm 1961 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Trần Bửu Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn L (L).

Buộc bị đơn Trần Bửu Đ cùng vợ và các con là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tên Khâu Thị Y, Trần Cẩm P, Trần Thị Cẩm X, Trần Cẩm H1, Trần Cẩm T, Trần Cẩm N1, Trần Cẩm M, Trần Thị Cẩm H2 phải trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lý K (L) gồm: Lý Thị Ma R, Lý Huỳnh L, Lý Thị Huỳnh L1, Lý Thanh H, Lý Thị Li N và Lý Thị Thanh V, phần đất tranh chấp giáp ranh có diện tích 32,80m^2 (trong đó diện tích đất nằm trong hành lang lộ giới là 7,10m^2), loại đất LNK, thuộc thửa số 640, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 712211 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Lý K vào ngày 20/02/2001, phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất tại thửa 640 của nguyên đơn Kenh có các số đo: 9,26m + 8,17m + 3,28m + 44,19m.

- Hướng Tây giáp phần đất tại thửa 638 của bị đơn Đ có số đo: 9,27m + 7,87m + 3,63m + 44,13m.

- Hướng Nam giáp phần đất của ông Trương Tấn B có số đo 0,53m;

- Hướng Bắc giáp Quốc lộ A có số đo 0,45m;

(có sơ đồ kèm theo)

Gia đình bị đơn Trần Bửu Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 32,9m^2 (trong đó diện tích đất nằm trong hành lang lộ giới là 7,20m^2) giáp bên thửa đất số 638 của bị đơn Đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Bửu Đ về việc yêu của Tòa án giải quyết hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R712211 do UBND huyện M cấp ngày 20-02-2001 cho hộ ông Lý K, diện tích 2.780m^2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để trả cho bị đơn Đ đủ diện tích đất là 2.500m^2.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Bửu Đ được miễn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
– VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
– Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
– Các đương sự (16);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 27b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình